



Catalogue

sản phẩm

túi ngực CereForm®



Euromi Biosciences mong muốn mang đến một góc nhìn mới về túi ngực chứa gel silicone và cung cấp một dải sản phẩm đầy đủ với nhiều loại bề mặt, gel khác nhau để đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân.

Một góc nhìn mới, nhưng đồng thời cũng là 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y khoa, thẩm mỹ và phẫu thuật tạo hình.

Euromi Biosciences là một phần của tập đoàn đã có hơn 25 năm chuyên môn trong lĩnh vực thiết bị y tế. Công ty kế thừa chuyên môn từ Cerecare (Pháp), đơn vị chuyên về quần áo y tế chuyên dụng và băng silicone, cũng như từ Euromi (Bỉ), đơn vị chuyên về thiết bị hút mỡ, cấy mỡ và súng tiêm mesotherapy.”



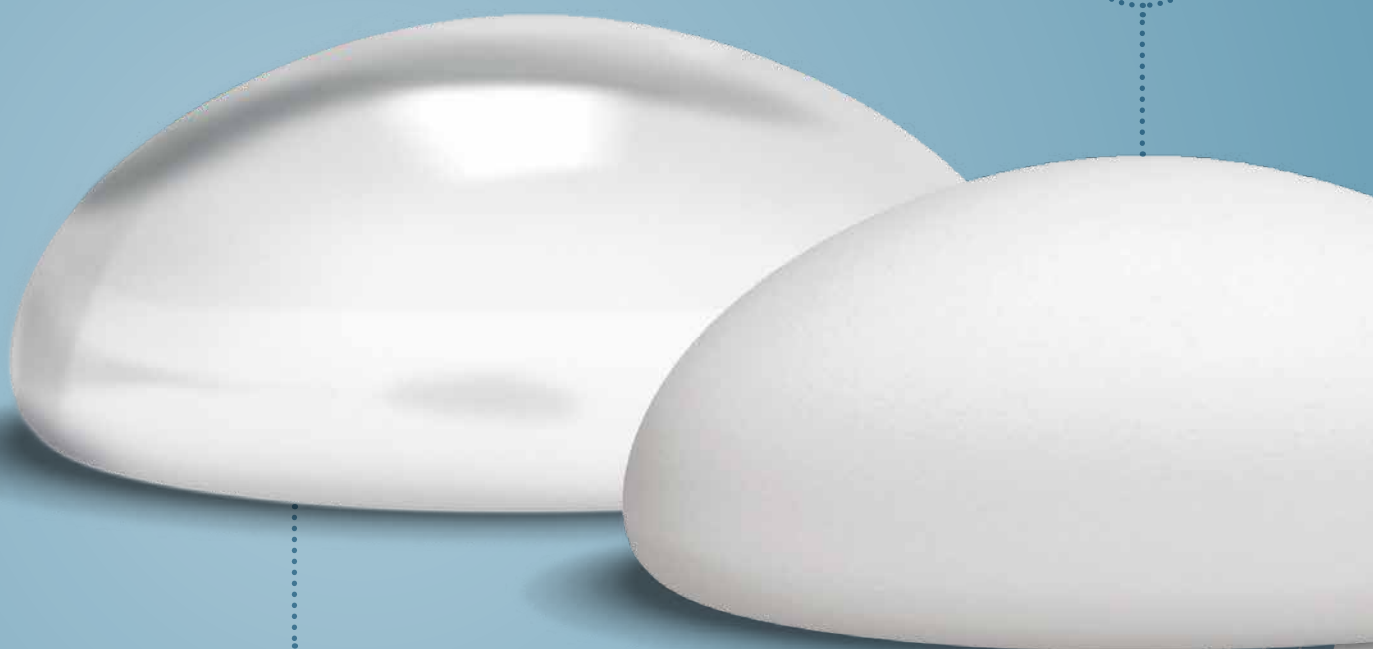
MỤC LỤC

TÚI NGẪU C TRÒN	06
Túi ngẫu c tròn CLASSIC	08
Túi ngẫu c tròn APTIMA	10
Bộ ng kích th của túi ngẫu c CLASSIC & APTIMA	12
Túi ngẫu c tròn ELLIPSE	14
Bộ ng kích th của túi ngẫu c ELLIPSE	16
Đ C TÍNH, AN TOÀN,	19
Đ M B O CH T L NG	

TÚI NGỰC TRÒN

Chúng giúp tăng thể tích ở phần trên của bầu ngực, tạo đường khe ngực sâu gợi cảm.

Phù hợp với phụ nữ có bầu ngực đã hơi hình thành sẵn

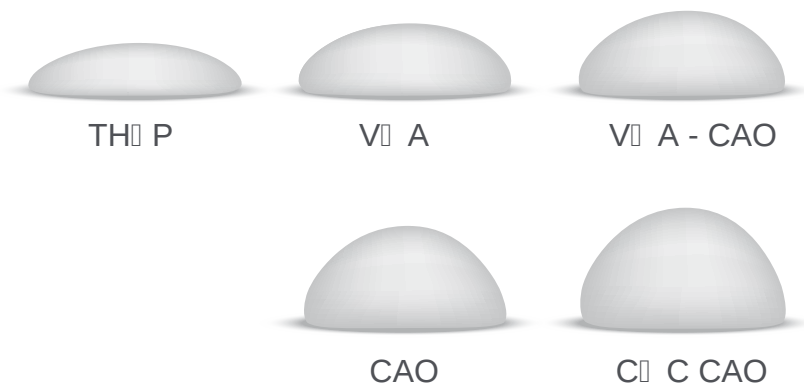


Bề mặt vi
nhám

Bề mặt
trơn

Đã là chủ nhân lo ngại túi ngực phù hợp nhất với hình thể và mong muốn của bạn nhân

5 dáng nhô



KÍCH THƯỚC KHÁC NHAU

- ✓ 100 đến 500 cc cho dáng bé
- ✓ 100 đến 700 cc cho dáng vừa phải
- ✓ 150 đến 500 cc cho dáng trung bình
- ✓ 125 đến 700 cc cho dáng lớn
- ✓ 130 đến 900 cc cho dáng cực lớn



Dung tích trên 500 cc: Có sẵn theo yêu cầu và sẽ tính thêm phí

2 loại bề mặt

Trơn

Vi nhám

3 loại gel

Classic

Aptima

Ellipse

CLASSIC

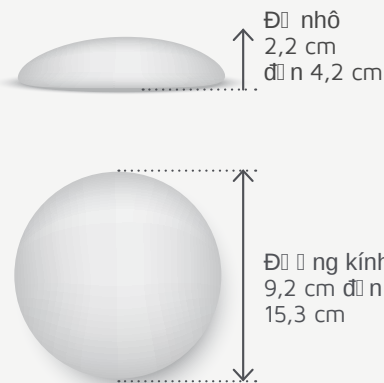
Bộ mặt tròn hoàn chỉnh và mặt vi nhám

Đỉnh nhô

Đỉnh nhô thấp

Túi ngực tròn-dáng nhô thấp

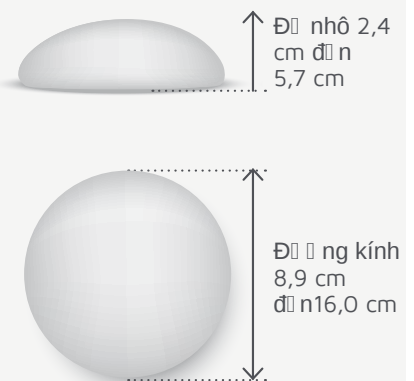
Thể tích 100 đến 500 cc



Đỉnh nhô vừa

Túi ngực tròn-dáng nhô vừa

Thể tích 100 đến 700 cc



THAM KHẢO

Dung tích trên 500 cc: Có sẵn theo yêu cầu và sẽ tính thêm phí

ĐỈNH NHÔ THẤP

Túi ngực tròn-dáng nhô thấp

Thể tích (cc)	Đỉnh nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bộ mặt tròn	Mã bộ mặt vi nhám
100	2,2	9,2	RLS100	RLMV100
125	2,4	9,9	RLS125	RLMV125
150	2,5	10,4	RLS150	RLMV150
175	2,7	11,0	RLS175	RLMV175
200	2,8	11,4	RLS200	RLMV200
220	3,0	11,8	RLS220	RLMV220
240	3,1	12,1	RLS240	RLMV240
260	3,2	12,4	RLS260	RLMV260
280	3,3	12,7	RLS280	RLMV280
300	3,4	13	RLS300	RLMV300
325	3,6	13,3	RLS325	RLMV325
350	3,7	13,6	RLS350	RLMV350
400	3,9	14,2	RLS400	RLMV400
450	4,0	14,8	RLS450	RLMV450
500	4,2	15,3	RLS500	RLMV500

ĐỈNH NHÔ VỪA

Túi ngực tròn-dáng nhô vừa

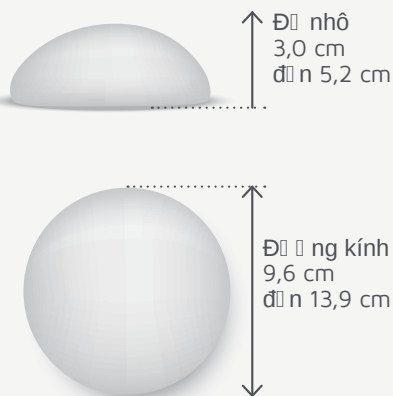
Thể tích (cc)	Đỉnh nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bộ mặt tròn	Mã bộ mặt vi nhám
100	2,4	8,9	RMS100	RMMV100
125	2,6	9,6	RMS125	RMMV125
150	2,8	10,1	RMS150	RMMV150
175	3,0	10,6	RMS175	RMMV175
200	3,2	11,0	RMS200	RMMV200
220	3,3	11,4	RMS220	RMMV220
240	3,5	11,6	RMS240	RMMV240
260	3,7	11,9	RMS260	RMMV260
280	3,8	12,2	RMS280	RMMV280
300	4,0	12,5	RMS300	RMMV300
325	4,1	12,8	RMS325	RMMV325
350	4,3	13,1	RMS350	RMMV350
375	4,4	13,3	RMS375	RMMV375
400	4,6	13,6	RMS400	RMMV400
450	4,8	14,1	RMS450	RMMV450
500	5,0	14,6	RMS500	RMMV500
550	5,1	14,9	RMS550	RMMV550
600	5,3	15,3	RMS600	RMMV600
650	5,5	15,7	RMS650	RMMV650
700	5,7	16,0	RMS700	RMMV700

Dòng túi ngực chứa gel silicone kết dính, mang lại cảm giác chạm tự nhiên

ĐỘ NHÔ VẠ A - CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô vạ a - cao

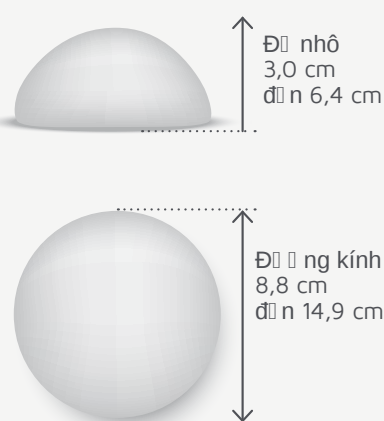
Thể tích 150 đến 500 cc



ĐỘ NHÔ CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cao

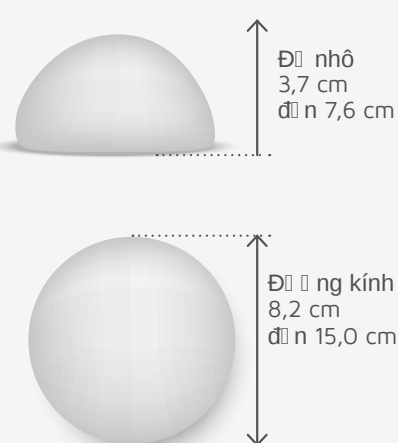
Thể tích 125 đến 700 cc



ĐỘ NHÔ CẠ C CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cạ c cao

Thể tích 130 đến 900 cc



ĐỘ NHÔ VẠ A - CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô vạ a - cao

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
150	3,0	9,6	RIS150	RIMV150
175	3,3	10,1	RIS175	RIMV175
200	3,5	10,5	RIS200	RIMV200
225	3,7	10,9	RIS225	RIMV225
250	3,9	11,2	RIS250	RIMV250
275	4,0	11,5	RIS275	RIMV275
300	4,2	11,9	RIS300	RIMV300
325	4,3	12,1	RIS325	RIMV325
350	4,5	12,4	RIS350	RIMV350
375	4,6	12,7	RIS375	RIMV375
400	4,7	12,9	RIS400	RIMV400
450	5,0	13,4	RIS450	RIMV450
500	5,2	13,9	RIS500	RIMV500

ĐỘ NHÔ CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cao

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
125	3,0	8,8	RHS125	RHMH125
150	3,2	9,3	RHS150	RHMH150
175	3,5	9,8	RHS175	RHMH175
200	3,7	10,2	RHS200	RHMH200
225	3,9	10,5	RHS225	RHMH225
250	4,1	10,9	RHS250	RHMH250
275	4,3	11,2	RHS275	RHMH275
300	4,5	11,5	RHS300	RHMH300
325	4,6	11,8	RHS325	RHMH325
350	4,8	12,1	RHS350	RHMH350
375	4,9	12,3	RHS375	RHMH375
400	5,0	12,6	RHS400	RHMH400
425	5,2	12,7	RHS425	RHMH425
450	5,3	13,0	RHS450	RHMH450
500	5,5	13,4	RHS500	RHMH500
550	5,7	13,8	RHS550	RHMH550
600	5,9	14,2	RHS600	RHMH600
650	6,1	14,6	RHS650	RHMH650
700	6,4	14,9	RHS700	RHMH700

ĐỘ NHÔ CẠ C CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cạ c cao

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
130	3,7	8,2	RVHS130	RVHMV130
160	4,0	8,7	RVHS160	RVHMV160
190	4,2	9,2	RVHS190	RVHMV190
220	4,5	9,6	RVHS220	RVHMV220
250	4,8	10,0	RVHS250	RVHMV250
280	4,9	10,3	RVHS280	RVHMV280
310	5,2	10,6	RVHS310	RVHMV310
340	5,4	10,9	RVHS340	RVHMV340
370	5,5	11,2	RVHS370	RVHMV370
400	5,7	11,5	RVHS400	RVHMV400
450	6,0	11,9	RVHS450	RVHMV450
500	6,3	12,3	RVHS500	RVHMV500
550	6,4	12,6	RVHS550	RVHMV550
600	6,6	12,9	RVHS600	RVHMV600
650	6,8	13,2	RVHS650	RVHMV650
700	7,1	13,5	RVHS700	RVHMV700
750	7,3	13,8	RVHS750	RVHMV750
800	7,5	14,1	RVHS800	RVHMV800
900	7,6	15,0	RVHS900	RVHMV900

APTIMA

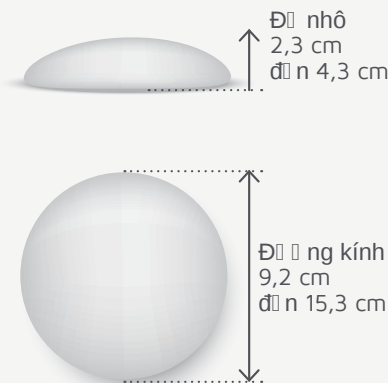
Bộ mặt tròn hoàn hảo cho bộ mặt vì nhám

Độ nhô

Độ nhô thấp

Túi ngực tròn-dáng nhô thấp

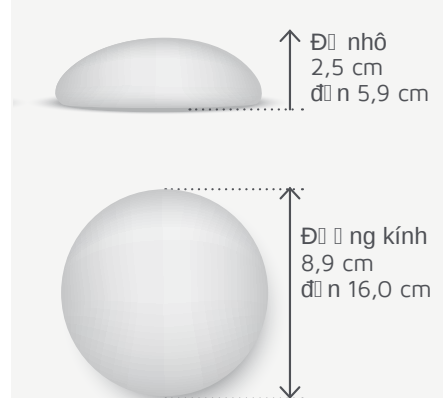
Thể tích 100 đến 500 cc



Độ nhô vừa

Túi ngực tròn-dáng nhô vừa

Thể tích 100 đến 700 cc



THAM KHẢO

Dung tích trên 500 cc: Có sẵn theo yêu cầu và sẽ tính thêm phụ phí

ĐỘ NHÔ THẤP

Túi ngực tròn-dáng nhô thấp

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vì nhám
100	2,3	9,2	RLS100+	RLMV100+
125	2,5	9,9	RLS125+	RLMV125+
150	2,6	10,4	RLS150+	RLMV150+
175	2,8	11,0	RLS175+	RLMV175+
200	2,9	11,4	RLS200+	RLMV200+
220	3,1	11,8	RLS220+	RLMV220+
240	3,2	12,1	RLS240+	RLMV240+
260	3,3	12,4	RLS260+	RLMV260+
280	3,4	12,7	RLS280+	RLMV280+
300	3,5	13,0	RLS300+	RLMV300+
325	3,7	13,3	RLS325+	RLMV325+
350	3,8	13,6	RLS350+	RLMV350+
400	4,0	14,2	RLS400+	RLMV400+
450	4,2	14,8	RLS450+	RLMV450+
500	4,3	15,3	RLS500+	RLMV500+

ĐỘ NHÔ VỪA

Túi ngực tròn-dáng nhô vừa

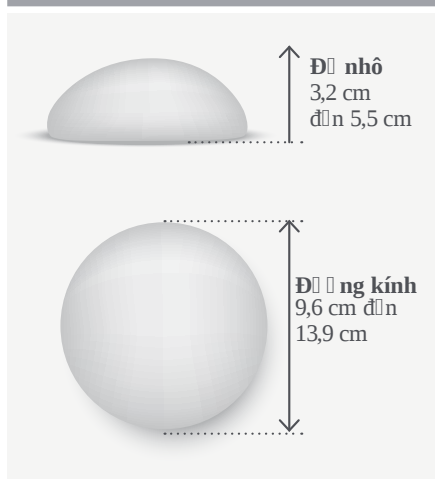
Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vì nhám
100	2,5	8,9	RMS100+	RMMV100+
125	2,7	9,6	RMS125+	RMMV125+
150	2,9	10,1	RMS150+	RMMV150+
175	3,1	10,6	RMS175+	RMMV175+
200	3,3	11,0	RMS200+	RMMV200+
220	3,4	11,4	RMS220+	RMMV220+
240	3,6	11,6	RMS240+	RMMV240+
260	3,8	11,9	RMS260+	RMMV260+
280	3,9	12,2	RMS280+	RMMV280+
300	4,1	12,5	RMS300+	RMMV300+
325	4,3	12,8	RMS325+	RMMV325+
350	4,4	13,1	RMS350+	RMMV350+
375	4,5	13,3	RMS375+	RMMV375+
400	4,7	13,6	RMS400+	RMMV400+
450	5,0	14,1	RMS450+	RMMV450+
500	5,2	14,6	RMS500+	RMMV500+
550	5,3	14,9	RMS550+	RMMV550+
600	5,5	15,3	RMS600+	RMMV600+
650	5,7	15,7	RMS650+	RMMV650+
700	5,9	16,0	RMS700+	RMMV700+

Dòng túi ngực chứa gel silicone có độ kết dính cao hơn so với dòng truyền thống, mang lại khả năng giữ dáng tốt hơn. Nhờ đó, bạn có thể mang đến cho bệnh nhân độ nhô lớn hơn một chút mà vẫn giữ nguyên đường kính túi.

ĐỘ NHÔ VỪA - CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô vừa - cao

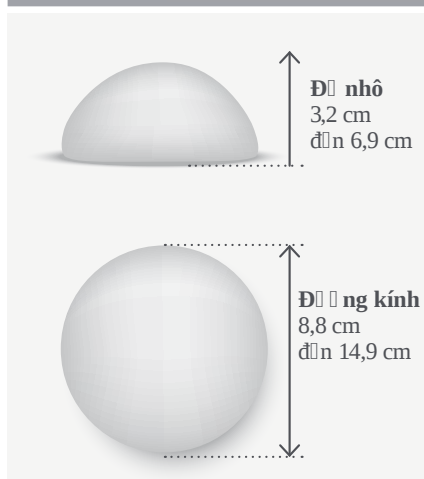
Thể tích 150 đến 500 cc



ĐỘ NHÔ CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cao

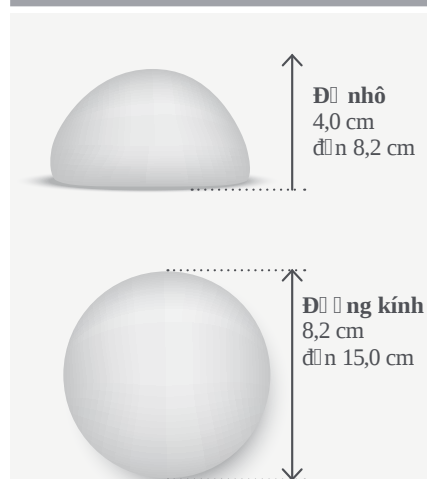
Thể tích 125 đến 700 cc



ĐỘ NHÔ CỰC CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cực cao

Thể tích 130 đến 900 cc



ĐỘ NHÔ VỪA - CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô vừa - cao

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
150	3,2	9,6	RIS150+	RIMV150+
175	3,5	10,1	RIS175+	RIMV175+
200	3,7	10,5	RIS200+	RIMV200+
225	3,9	10,9	RIS225+	RIMV225+
250	4,1	11,2	RIS250+	RIMV250+
275	4,2	11,5	RIS275+	RIMV275+
300	4,4	11,9	RIS300+	RIMV300+
325	4,5	12,1	RIS325+	RIMV325+
350	4,7	12,4	RIS350+	RIMV350+
375	4,8	12,7	RIS375+	RIMV375+
400	5,0	12,9	RIS400+	RIMV400+
450	5,2	13,4	RIS450+	RIMV450+
500	5,5	13,9	RIS500+	RIMV500+

ĐỘ NHÔ CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cao

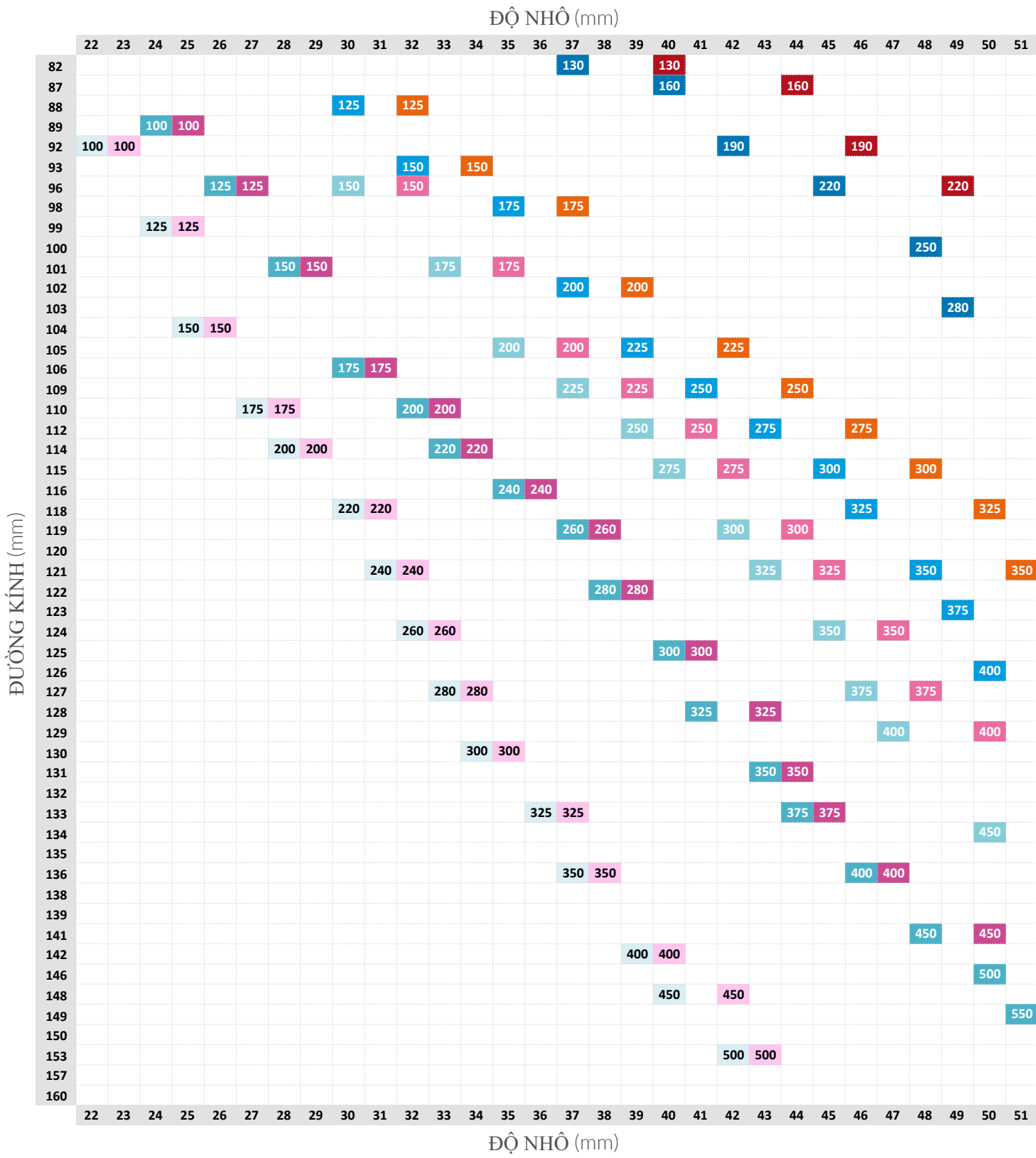
Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
125	3,2	8,8	RHS125+	RHMH125+
150	3,4	9,3	RHS150+	RHMH150+
175	3,7	9,8	RHS175+	RHMH175+
200	3,9	10,2	RHS200+	RHMH200+
225	4,2	10,5	RHS225+	RHMH225+
250	4,4	10,9	RHS250+	RHMH250+
275	4,6	11,2	RHS275+	RHMH275+
300	4,8	11,5	RHS300+	RHMH300+
325	5,0	11,8	RHS325+	RHMH325+
350	5,1	12,1	RHS350+	RHMH350+
375	5,3	12,3	RHS375+	RHMH375+
400	5,4	12,6	RHS400+	RHMH400+
425	5,6	12,7	RHS425+	RHMH425+
450	5,7	13,0	RHS450+	RHMH450+
500	6,0	13,4	RHS500+	RHMH500+
550	6,1	13,8	RHS550+	RHMH550+
600	6,3	14,2	RHS600+	RHMH600+
650	6,6	14,6	RHS650+	RHMH650+
700	6,9	14,9	RHS700+	RHMH700+

ĐỘ NHÔ CỰC CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cực cao

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
130	4,0	8,2	RVHS130+	RVHMV130+
160	4,4	8,7	RVHS160+	RVHMV160+
190	4,6	9,2	RVHS190+	RVHMV190+
220	4,9	9,6	RVHS220+	RVHMV220+
250	5,3	10,0	RVHS250+	RVHMV250+
280	5,4	10,3	RVHS280+	RVHMV280+
310	5,7	10,6	RVHS310+	RVHMV310+
340	5,9	10,9	RVHS340+	RVHMV340+
370	6,0	11,2	RVHS370+	RVHMV370+
400	6,3	11,5	RVHS400+	RVHMV400+
450	6,6	11,9	RVHS450+	RVHMV450+
500	6,8	12,3	RVHS500+	RVHMV500+
550	7,0	12,6	RVHS550+	RVHMV550+
600	7,2	12,9	RVHS600+	RVHMV600+
650	7,4	13,2	RVHS650+	RVHMV650+
700	7,7	13,5	RVHS700+	RVHMV700+
750	7,9	13,8	RVHS750+	RVHMV750+
800	8,1	14,1	RVHS800+	RVHMV800+
900	8,2	15,0	RVHS900+	RVHMV900+

BẢNG TÓM TẮT TÚI NGỰC CLASSIC & APTIMA



TÚI NGỰC CLASSIC

DÁNG NHÔ THẤP

DÁNG NHÔ VỪA

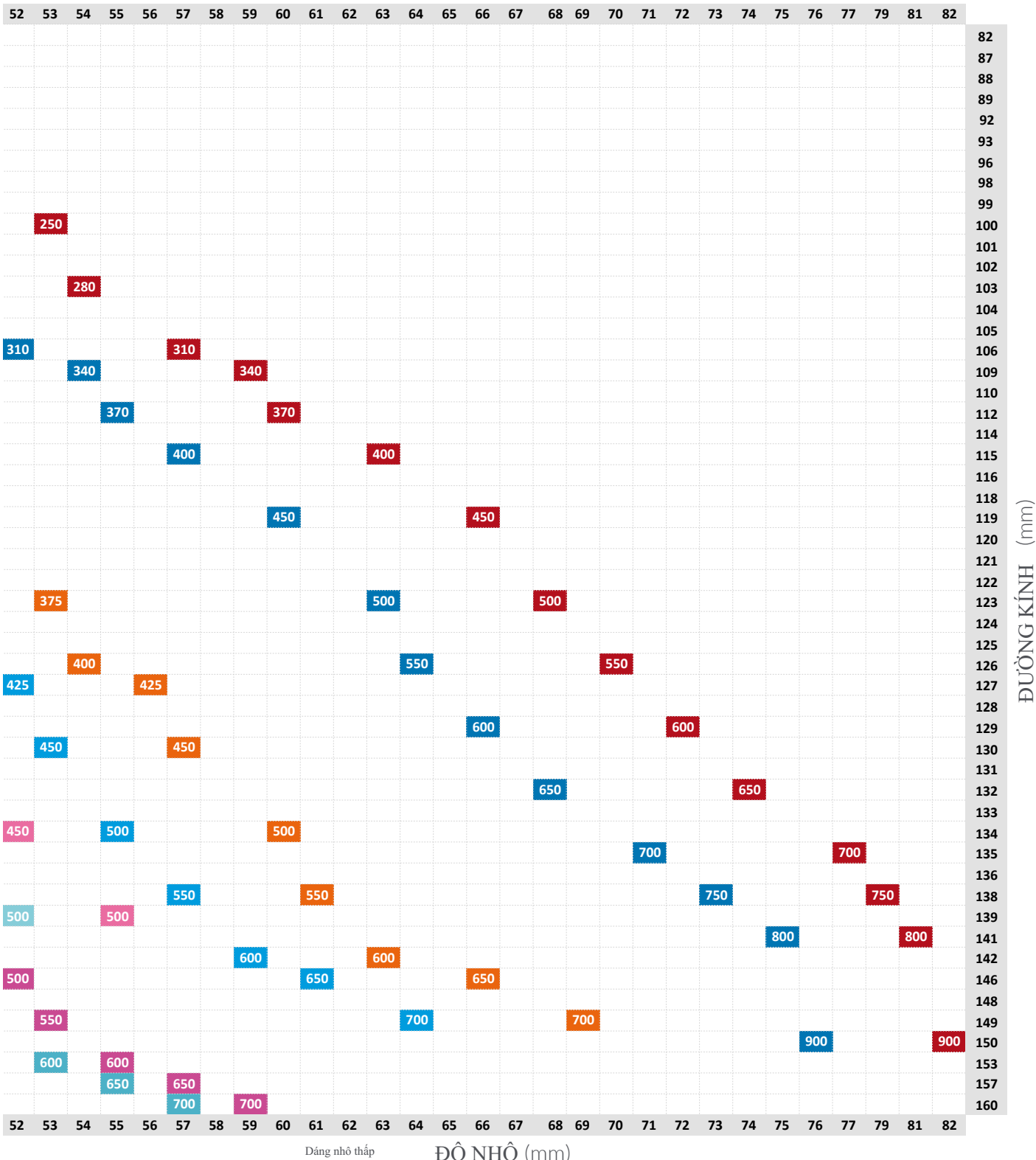
DÁNG NHÔ VỪA - CAO

DÁNG NHÔ CAO

DÁNG NHÔ CỰC CAO

TÚI NGỰC

ĐỘ NHÔ (mm)



TÚI NGỰC APTIMA

DÁNG NHÔ THẤP

DÁNG NHÔ VỪA

DÁNG NHÔ VỪA - CAO

DÁNG NHÔ CAO

DÁNG NHÔ CỰC CAO

ELLIPSE

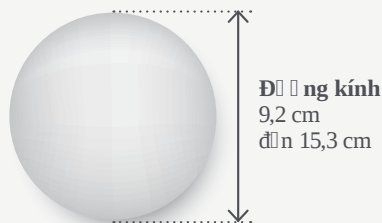
BỀ MẶT TRƠN HOẶC VI NHÁM

ĐỘ NHÔ

ĐỘ NHÔ THẤP

Túi ngực tròn dáng nhô thấp

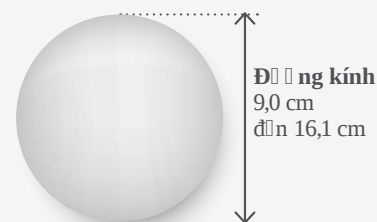
Thể tích 100 đến 500 cc



ĐỘ NHÔ VỪA

Túi ngực tròn dáng nhô vừa

Thể tích 100 đến 700 cc



THAM KHẢO

Dung tích trên 500 cc: Có sẵn theo yêu cầu và sẽ tính thêm phí

ĐỘ NHÔ THẤP

Túi ngực tròn-dáng nhô thấp

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
100	2,2	9,2	RLS100E	RLMV100E
125	2,4	9,9	RLS125E	RLMV125E
150	2,5	10,4	RLS150E	RLMV150E
175	2,7	11,0	RLS175E	RLMV175E
200	2,9	11,5	RLS200E	RLMV200E
220	3,0	11,8	RLS220E	RLMV220E
240	3,1	12,1	RLS240E	RLMV240E
260	3,2	12,6	RLS260E	RLMV260E
280	3,3	12,8	RLS280E	RLMV280E
300	3,4	13,1	RLS300E	RLMV300E
325	3,6	13,3	RLS325E	RLMV325E
350	3,7	13,6	RLS350E	RLMV350E
400	3,9	14,2	RLS400E	RLMV400E
450	4,0	14,8	RLS450E	RLMV450E
500	4,2	15,3	RLS500E	RLMV500E

ĐỘ NHÔ VỪA

Túi ngực tròn-dáng nhô vừa

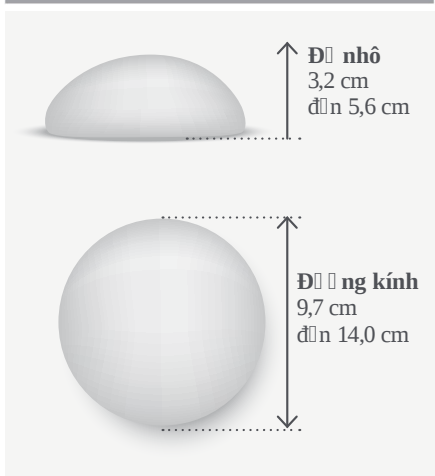
Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
100	2,6	9,0	RMS100E	RMMV100E
125	2,9	9,6	RMS125E	RMMV125E
150	3,0	10,2	RMS150E	RMMV150E
175	3,3	10,8	RMS175E	RMMV175E
200	3,4	11,1	RMS200E	RMMV200E
220	3,6	11,4	RMS220E	RMMV220E
240	3,7	11,6	RMS240E	RMMV240E
260	3,8	11,9	RMS260E	RMMV260E
280	3,9	12,2	RMS280E	RMMV280E
300	4,1	12,5	RMS300E	RMMV300E
325	4,3	12,8	RMS325E	RMMV325E
350	4,4	13,0	RMS350E	RMMV350E
375	4,5	13,4	RMS375E	RMMV375E
400	4,6	13,6	RMS400E	RMMV400E
450	4,8	14,2	RMS450E	RMMV450E
500	5,4	14,7	RMS500E	RMMV500E
550	5,5	15,0	RMS550E	RMMV550E
600	5,7	15,2	RMS600E	RMMV600E
650	5,9	15,8	RMS650E	RMMV650E
700	6,2	16,1	RMS700E	RMMV700E

Dòng túi ngực sử dụng gel silicone có độ bền cao hơn, bám dính tối đa vào vỏ, mang lại cảm giác mềm mại hơn khi chạm và khả năng ghi nhớ hình dạng tuyệt vời, giúp quá trình đặt túi dễ dàng hơn.

ĐỘ NHÔ VỪA - CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô vừa - cao

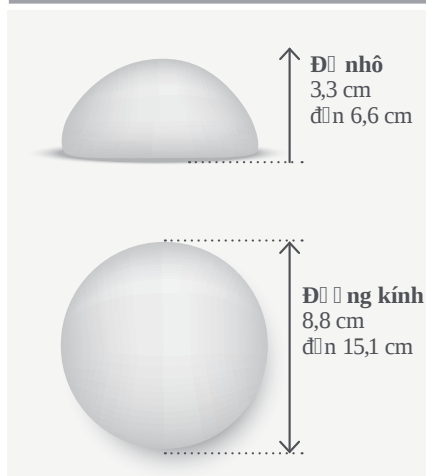
Thể tích 150 đến 500 cc



ĐỘ NHÔ CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cao

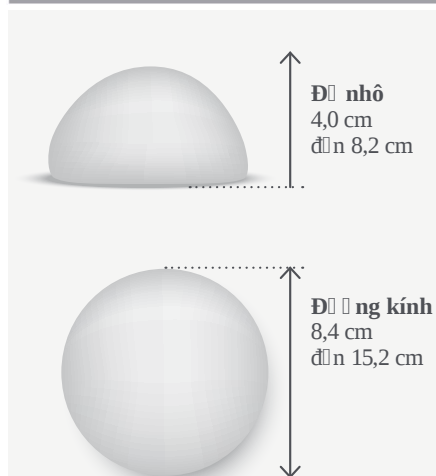
Thể tích 125 đến 700 cc



ĐỘ NHÔ CỰC CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cực cao

Thể tích 130 đến 900 cc



ĐỘ NHÔ VỪA - CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô vừa - cao

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
150	3,2	9,7	RIS150E	RIMV150E
175	3,5	10,1	RIS175E	RIMV175E
200	3,7	10,5	RIS200E	RIMV200E
225	3,9	11,0	RIS225E	RIMV225E
250	4,1	11,3	RIS250E	RIMV250E
275	4,3	11,6	RIS275E	RIMV275E
300	4,5	12,0	RIS300E	RIMV300E
325	4,6	12,2	RIS325E	RIMV325E
350	4,6	12,4	RIS350E	RIMV350E
375	4,9	12,8	RIS375E	RIMV375E
400	5,0	13,0	RIS400E	RIMV400E
450	5,3	13,5	RIS450E	RIMV450E
500	5,6	14,0	RIS500E	RIMV500E

ĐỘ NHÔ CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cao

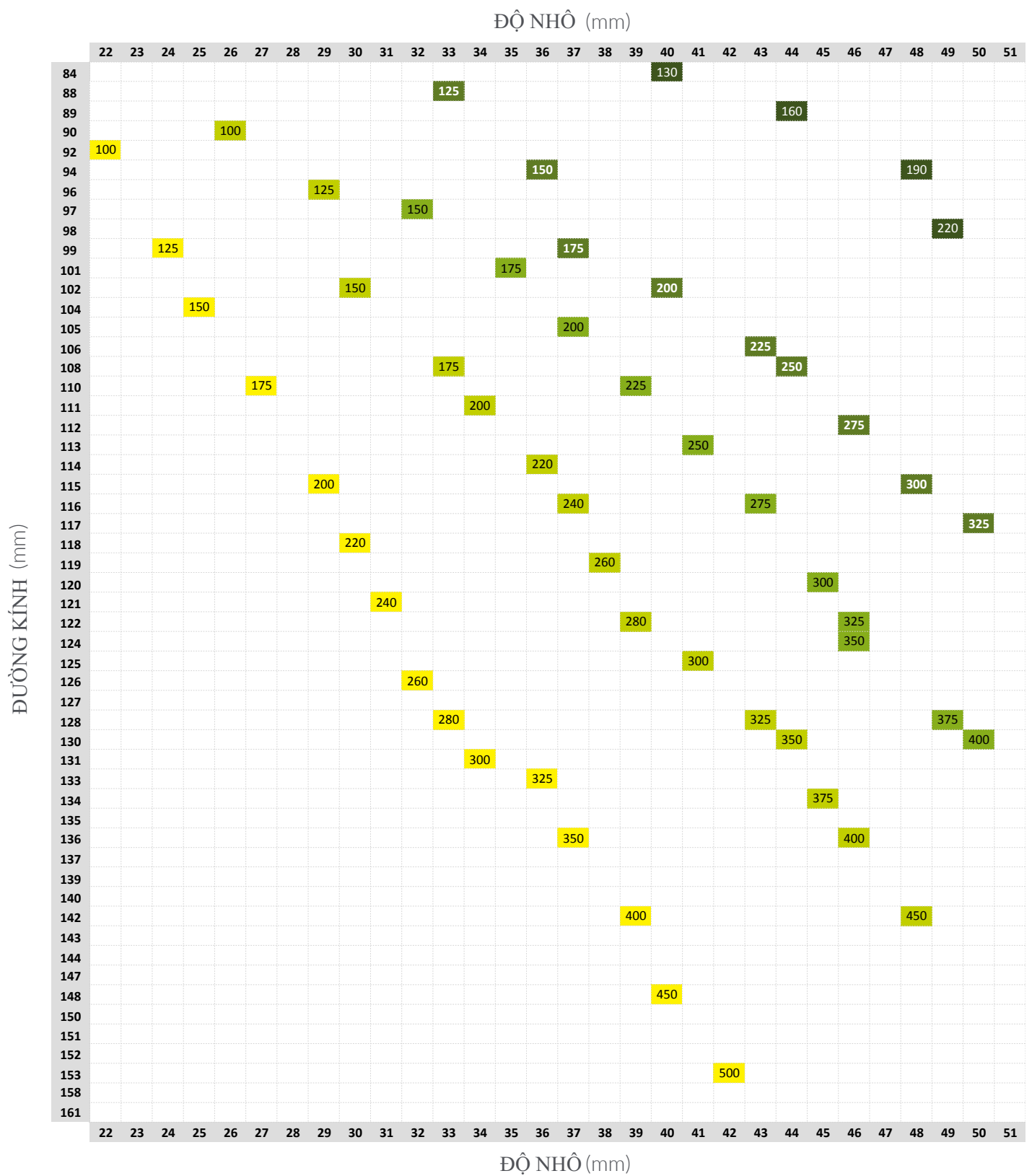
Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
125	3,3	8,8	RHS125E	RHVM125E
150	3,6	9,4	RHS150E	RHVM150E
175	3,7	9,9	RHS175E	RHVM175E
200	4,0	10,2	RHS200E	RHVM200E
225	4,3	10,6	RHS225E	RHVM225E
250	4,4	10,8	RHS250E	RHVM250E
275	4,6	11,2	RHS275E	RHVM275E
300	4,8	11,5	RHS300E	RHVM300E
325	5,0	11,7	RHS325E	RHVM325E
350	5,2	12,0	RHS350E	RHVM350E
375	5,3	12,2	RHS375E	RHVM375E
400	5,4	12,5	RHS400E	RHVM400E
425	5,6	12,8	RHS425E	RHVM425E
450	5,7	13,0	RHS450E	RHVM450E
500	5,9	13,4	RHS500E	RHVM500E
550	5,8	14,0	RHS550E	RHVM550E
600	6,0	14,4	RHS600E	RHVM600E
650	6,3	14,8	RHS650E	RHVM650E
700	6,6	15,1	RHS700E	RHVM700E

ĐỘ NHÔ CỰC CAO

Túi ngực tròn - dáng nhô cực cao

Thể tích (cc)	Độ nhô (cm)	Đường kính (cm)	Mã bề mặt trơn	Mã bề mặt vi nhám
130	4,0	8,4	RVHS130E	RVHVM130E
160	4,4	8,9	RVHS160E	RVHVM160E
190	4,8	9,4	RVHS190E	RVHVM190E
220	4,9	9,8	RVHS220E	RVHVM220E
250	5,3	10,2	RVHS250E	RVHVM250E
280	5,7	10,5	RVHS280E	RVHVM280E
310	5,7	10,8	RVHS310E	RVHVM310E
340	6,0	11,1	RVHS340E	RVHVM340E
370	6,3	11,4	RVHS370E	RVHVM370E
400	6,5	11,7	RVHS400E	RVHVM400E
450	6,8	12,1	RVHS450E	RVHVM450E
500	7,0	12,5	RVHS500E	RVHVM500E
550	7,1	12,7	RVHS550E	RVHVM550E
600	7,2	13,1	RVHS600E	RVHVM600E
650	7,5	13,3	RVHS650E	RVHVM650E
700	7,7	13,7	RVHS700E	RVHVM700E
750	7,9	13,9	RVHS750E	RVHVM750E
800	8,1	14,3	RVHS800E	RVHVM800E
900	8,2	15,2	RVHS900E	RVHVM900E

BẢNG TÓM TẮT TỬ NGỰC ELLIPSE



TÚI NGỰC ELLIPSE

ĐỘ NHÔ THẤP

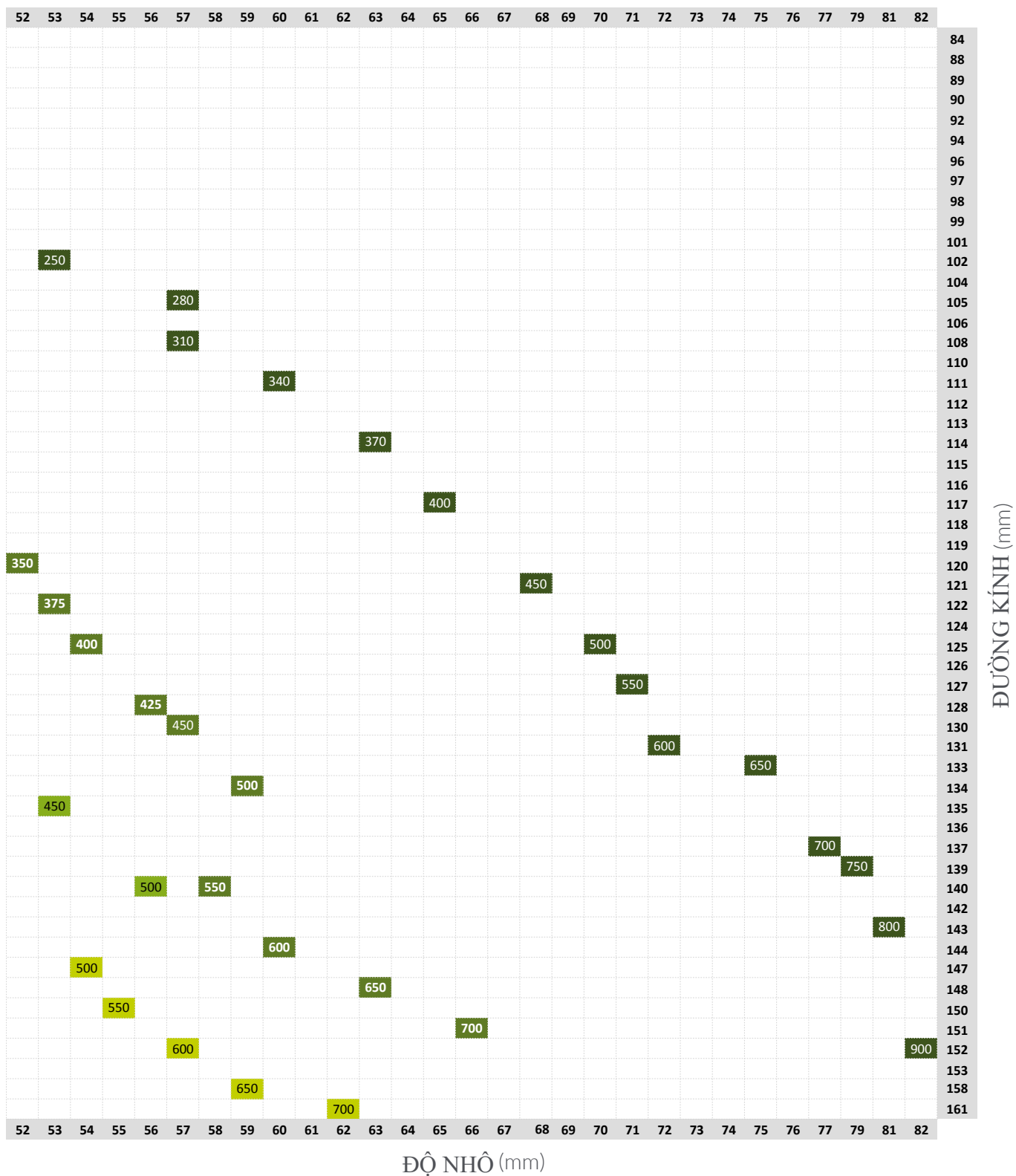
ĐỘ NHÔ VỪA

ĐỘ NHÔ VỪA - CAO

ĐỘ NHÔ CAO

ĐỘ NHÔ CỰC CAO

ĐỘ NHÔ (mm)







THÔNG TIN VỀ TÚI NGỰC CỦA CHÚNG TÔI

ĐẶC TÍNH & AN TOÀN

Túi ngực CEREFORM® được sản xuất bằng silicone y tế. Một loại elastomer silicone y tế với đặc tính cơ học vượt trội được sử dụng cho lớp vỏ ba lớp, được làm đầy bằng gel silicone.

Lớp màng ngăn giúp hạn chế tối đa sự thoát hơi của gel silicone qua vỏ. Túi ngực CEREFORM® còn có thêm một lớp màng ngăn tại vị trí mỗi nối.

Công thức đặc biệt của gel silicone mang lại cảm giác tương tự như mô ngực tự nhiên. Độ kết dính của gel giúp túi ngực có khả năng ghi nhớ hình dạng và tăng tính an toàn của sản phẩm.

Mỗi nối gần như không thể nhận thấy, bảo đảm độ kín hoàn hảo cho sự an toàn tối ưu. Phương pháp làm đầy túi ngăn ngừa rò rỉ gel silicone. Không có lỗ thủng nào có thể làm hỏng vỏ túi trong quá trình sản xuất.

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Túi ngực CEREFORM® được tiệt trùng khô theo chu trình được phê duyệt. Dành cho một lần sử dụng duy nhất và cho một bệnh nhân, các túi ngực này được đóng gói đôi nhằm tạo hàng rào bảo vệ vô trùng tối ưu cho đến khi cấy ghép. Mỗi túi ngực có một số sê-ri riêng biệt được khắc trên mỗi nối để đảm bảo truy xuất nguồn gốc tuyệt đối.

Túi ngực được sản xuất và đóng gói theo tiêu chuẩn EN ISO 13485 và EN ISO 14607. Đây là thiết bị y tế loại III, tuân thủ các quy định của châu Âu. Chúng được chỉ định sử dụng trong phẫu thuật thẩm mỹ và tái tạo tuyến vú.

Euromi Biosciences được cấp chứng nhận CE bởi tổ chức chứng nhận độc lập BSI số 2797.



EUROMI BIOSCIENCES

Zoning Industriel des Plenneses
11 rue des Nouvelles Technologies
4821 Andrimont (BE)

Tel : +32(0) 87 29 22 22

Fax : +32(0) 87 29 22 23

www.euromi-biosciences.com

info@euromi-biosciences.com

